TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 209/2023/DS-ST
Ngày: 14 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Ngọc Bích.
2. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 583/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 227/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng NN**
Địa chỉ: Số x đường L, phường T2, quận B, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Diệp Thị Mỹ T3 (Văn bản ủy quyền ngày 01-11-2022). (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Phan Thành T**, sinh năm xxxx (có mặt)
Bà **Nguyễn Thị Tú T1**, sinh năm xxx(vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Số xxx đường N, khu vực x, phường B1, quận B2, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 12-7-2022 và trong quá trình xét xử đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

- Ngày 11-8-2020, ông Phan Thành T và bà Nguyễn Thị Tú T1 đã ký Hợp đồng tín dụng số 1890-LAV-202001021 với Ngân hàng NN - Chi nhánh Cần Thơ II (viết tắt Ngân hàng) vay số tiền 2.500.000.000 đồng cho mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh xây dựng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: 9,5 %/năm.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay này là: Tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, diện tích: 74,3m^2 đất ở đô thị, thửa đất số x, tờ bản đồ số x, tọa lạc tại x, đường N (Hẻm x đường C), khu vực x, phường B2, quận B3, thành phố Cần Thơ; Tài sản gắn liền trên đất là nhà ở: diện tích xây dựng: 67,9m^2, diện tích sử dụng: 135,8m^2 (theo số giấy chứng nhận: CL xxxx; số vào sổ cấp giấy: CSxxx; cơ quan cấp: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 24-01-2018).

- Việc thế chấp đã được T, bà T1 và Ngân hàng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 11082020/04 ngày 11-8-2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích L (số công chứng 6000, quyển số 03/2020/TP/CC-SCC/HĐGD). Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

- Kể từ ngày 25-7-2021, bên vay đã để phát sinh nợ lãi, gốc quá hạn và kéo dài tình trạng đến thời điểm hiện nay. Tính đến hết ngày 11-7-2022 bên vay đã chậm thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng tổng số tiền là: 2.744.006.850 đồng (Trong đó: nợ gốc là 2.500.000.000 đồng; lãi trong hạn 217.979.453 đồng; lãi quá hạn 26.027.397 đồng).

Xét thấy khoản nợ đã quá hạn rất nhiều ngày với số tiền lớn do bên vay không có khả năng trả nợ, cũng không chủ động phối hợp với Ngân hàng để xử lý khoản vay. Vì vậy Ngân hàng tiến hành khởi kiện buộc ông T và bà T1 phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc, lãi trên và lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ vay.

Nếu ông T và bà T1 không hoàn trả đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh, Ngân hàng đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

** Tại bản tự khai ngày 24-11-2022 và trong quá trình xét xử, bị đơn – ông Phan Thành T trình bày:*

Ông có vay Ngân hàng NN - Chi nhánh Cần Thơ II số tiền 2.500.000.000 đồng, tài sản thế chấp tại địa chỉ x đường C, phường B2, quận B3, thành phố Cần

Thơ. Trong thời gian gần đây, do dịch bệnh ông làm ăn khó khăn nên chậm thanh toán cho Ngân hàng. Đầu năm 2023 ông sẽ có một số nguồn thu bao gồm bán tài sản. Ông cam kết sẽ đóng lãi đầy đủ vào đầu tháng 02/2023, nếu nguồn thu tốt ông sẽ tất toán hoặc đóng đầy đủ số tiền lãi đóng chậm, hạn chót để giải quyết hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày 24-11-2022 đến ngày 24-5-2023 sẽ thanh toán toàn bộ tiền lãi đã nợ hoặc tất toán tài sản đã vay. Ông mong Ngân hàng xem xét và đồng ý.

Tại phiên tòa,

** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 14-9-2023 với tổng số tiền là 3.124.527.397 đồng (trong đó nợ gốc 2.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 458.602.739 đồng; nợ lãi quá hạn 165.924.658 đồng) và lãi phát sinh quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ. Nếu bị đơn không hoàn trả đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

** Bị đơn – ông Phan Thành T trình bày:*

Do việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng. Ông thống nhất trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 2.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 458.602.739 đồng; nợ lãi quá hạn 165.924.658 đồng. Thống nhất phát mãi tài sản thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng.

* Bị đơn – bà Nguyễn Thị Tú T1 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt BLTTDS năm 2015). Nguyên đơn, bị đơn ông T đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên bị đơn bà T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T1. Vụ án chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phan Thành T và bà Nguyễn Thị Tú T1 trả số tiền tạm tính đến ngày đến ngày 14-9-2023 số tiền 3.124.527.397 đồng (Trong đó nợ gốc 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 458.602.739 đồng, lãi quá hạn 165.924.658 đồng) và buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 15-9-

2023 cho đến khi tất nợ. Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp nhà và đất diện tích: 74,3m^2 đất ở đô thị, thửa đất số x, tờ bản đồ số x, tọa lạc tại x, đường N, khu vực x, phường B2, quận B3, thành phố Cần Thơ; Tài sản gắn liền trên đất là nhà ở: diện tích xây dựng: 67,9m^2, diện tích sử dụng: 135,8m^2 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số CSxxxx được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Bình Thủy chỉnh lý trang 4 Giấy chứng nhận ngày 26-7-2018 cho bà Nguyễn Thị Tú T1).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn bà Nguyễn Thị Tú T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt bà T1 là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 12-7-2022 và Hợp đồng tín dụng ngày 11-8-2020 cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch vay mượn, do phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng, do đó xác định đây là loại kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Do Ngân hàng NN - Chi nhánh Cần Thơ II có địa chỉ hoạt động tại quận Ninh Kiều nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 1890-LAV-202001021 ngày 11-8-2020 cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền, bị đơn ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn để vay số tiền 2.500.000.000 đồng, dư nợ 2.500.000.000 đồng kèm theo Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 1890-LDS-202101362 ngày 22-6-2021 có chữ ký của bị đơn. Trong quá trình vay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi 268.212.330 đồng đến ngày 30-9-2021 thì ngưng, dư nợ hiện tại tính đến ngày 14-9-2023 là 2.500.000.000 đồng.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho bị đơn có thời gian thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn theo như cam kết

nhưng bị đơn vẫn không thanh toán được. Tại phiên tòa, bị đơn ông T trình bày do kinh doanh gặp nhiều khó khăn, do dịch bệnh nên bị đơn không thanh toán được tiền gốc, lãi đúng hạn cho Ngân hàng.

Do bị đơn không trả tiền gốc và lãi theo đúng hợp đồng tín dụng nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 5 của hợp đồng, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 2.500.000.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

Hợp đồng tín dụng số 1890-LAV-202001021 ngày 11-8-2020 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận việc vay vốn, thỏa thuận các điều khoản về tính lãi, trong đó có lãi trong hạn và lãi quá hạn được quy định tại Điều 2 của hợp đồng và quy định tại Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 1890-LDS-202101362 ngày 22-6-2021 một cách tự nguyện, việc thỏa thuận được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, hợp đồng tín dụng trên đã được thực hiện và có hiệu lực thi hành. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*, bị đơn không thanh toán số tiền gốc và đóng tiền lãi đầy đủ cho nguyên đơn theo đúng hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ vào Bảng kê lãi phải thu đến ngày 14-9-2023, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trong 458.602.739 đồng, lãi quá hạn 165.924.658 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

Để đảm bảo cho khoản vay, bị đơn đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 11082020/04 ngày 11-8-2020, số công chứng 6000, quyển số 03/2020/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích L, đăng ký thế chấp ngày 11-8-2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Bình Thủy (tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số x, tờ bản đồ số x, diện tích 74,3m^2 (ODT) tọa lạc tại x đường N (Hẻm x đường C), khu vực x, phường B2, quận B3, thành phố Cần Thơ; Tài sản gắn liền trên đất là nhà ở: diện tích xây dựng: 67,9m^2, diện tích sàn: 135,8m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL xxxx, số vào sổ cấp GCN: CSxxxx do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 24-01-2018 cho bà Nguyễn Thị T4 được Chi nhánh Văn

phòng đăng ký đất đai quận Bình Thủy chỉnh lý biến động sang bà Nguyễn Thị Tú T1 vào ngày 26-7-2018).

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 11082020/04 ngày 11-8-2020 được các bên ký kết và công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích L và đăng ký đảm bảo theo quy định nên phát sinh hiệu lực. Do đó, nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 299, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 2.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 458.602.739 đồng, tiền lãi quá hạn 165.924.658 đồng, tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 3.124.527.397 đồng.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* 3.400.000 đồng, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn đã nộp xong nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 3.400.000 đồng.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS năm 2015;

+ Điều 299, Điều 317, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN đối với bị đơn ông Phan Thành T, bà Nguyễn Thị Tú T1.

Buộc ông Phan Thành T, bà Nguyễn Thị Tú T1 phải trả cho Ngân hàng NN số nợ gốc, lãi tính đến ngày 14-9-2023 là 3.124.527.397 đồng (trong đó: nợ gốc

2.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 458.602.739 đồng, nợ lãi quá hạn 165.924.658 đồng).

Trường hợp ông Phan Thành T, bà Nguyễn Thị Tú T1 không trả được số nợ trên hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng NN thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số x, tờ bản đồ số x, diện tích 74,3m^2 (ODT) tọa lạc tại x đường N (Hẻm x đường C), khu vực x, phường B2, quận B3, thành phố Cần Thơ; Tài sản gắn liền trên đất là nhà ở: diện tích xây dựng: 67,9m^2, diện tích sàn: 135,8m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL xxxx, số vào sổ cấp GCN: CSxxxx do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 24-01-2018 cho bà Nguyễn Thị T4 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Bình Thủy chỉnh lý biến động sang bà Nguyễn Thị Tú T1 vào ngày 26-7-2018 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 11082020/04 ngày 11-8-2020.

Kể từ ngày 15-9-2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Phan Thành T, bà Nguyễn Thị Tú T1 có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Phan Thành T, bà Nguyễn Thị Tú T1 phải chịu án phí là 94.490.548 đồng (Chín mươi bốn triệu bốn trăm chín chục nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng NN được nhận lại 43.440.200 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm bốn chục nghìn hai trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000858 ngày 01-8-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Cần Thơ;*
- *VKSND Q.Ninh Kiều;*
- *Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Phượng